

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện các tiêu chí để đạt chỉ tiêu trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2024

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Kết luận số 375-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024;

Thực hiện Kế hoạch số 377/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) tại Tờ trình số /TTr-SGDĐT ngày /01/2024,

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện các tiêu chí để đạt chỉ tiêu trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2024, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Đáp ứng yêu cầu đổi mới sự nghiệp GD&ĐT, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về thụ hưởng dịch vụ giáo dục của xã hội.

- Chuẩn hóa, hiện đại hóa về các hoạt động tổ chức và quản lý trường học, cơ sở vật chất (CSVC) và đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), nhân viên (NV) nhằm tạo môi trường giáo dục đáp ứng các yêu cầu theo quy định, tạo cơ hội bình đẳng về điều kiện học tập cho học sinh.

- Làm chuyển biến về nhận thức của các cấp, các ngành; trên cơ sở đó huy động sức mạnh tổng hợp của nhà trường - gia đình - xã hội để xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

- Kiểm định chất lượng giáo dục nhằm xác định nhà trường đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

- Công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với nhà trường nhằm khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

- Phần đầu đạt tỉ lệ 57,69% (tương ứng 225/390 trường) số trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Yêu cầu

- Việc xây dựng trường học đáp ứng tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục và chuẩn quốc gia phải đảm bảo triển khai theo đúng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của HĐND tỉnh và đảm bảo lộ trình xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia đoạn 2021 - 2025 theo kế hoạch đã được UBND tỉnh ban hành.

- Công tác xây dựng trường học đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia phải được xác định là nhiệm vụ trọng tâm; đòi hỏi sự quan tâm, vào cuộc của toàn hệ thống chính trị; được thực hiện độc lập, khách quan, đúng pháp luật; bảo đảm trung thực, công khai, minh bạch, phù hợp với tình hình thực tế, gắn với việc nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cơ sở giáo dục. Việc xây dựng tiêu chí trường học đạt chuẩn gắn liền với xây dựng các giải pháp đồng bộ thực hiện các tiêu chí đáp ứng theo quy định của từng cấp học.

- Sở GD&ĐT chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện đạt các tiêu chí, đảm bảo đúng quy định; đối với nội dung vượt thẩm quyền, tham mưu UBND tỉnh cụ thể.

- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh rà soát các tiêu chí, đánh giá đúng thực trạng, từ đó có giải pháp, tham mưu thực hiện hiệu quả. Việc xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí phải phù hợp với thực tế, bám sát vào tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

II. THỰC TRẠNG

1. Thực trạng

1.1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Trung ương, Tỉnh uỷ, UBND tỉnh trong công tác xây dựng trường đạt chuẩn và các điều kiện phục vụ cho Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Sự đồng thuận của các sở, ban, ngành, địa phương, các tổ chức, đoàn thể và

toàn thể xã hội trong quá trình triển khai xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

- Đội ngũ CBQL, GV các trường học năng động, sáng tạo, sẵn sàng nhận nhiệm vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

1.2. Khó khăn

- Về cơ sở vật chất:

+ Thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi chưa đầy đủ hoặc đã bị hư hỏng, xuống cấp chưa có nguồn vốn để được bổ sung trong bối cảnh điều kiện kinh tế khó khăn chung trên toàn tỉnh cũng như các địa phương khác của cả nước.

+ Các trường nằm trong Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 của UBND các huyện, thị xã, thành phố còn chưa đáp ứng một số tiêu chí theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Về đội ngũ, vị trí việc làm:

+ Số lượng, cơ cấu CBQL, GV chưa đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; chưa đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục thiết yếu đối với cấp học mầm non: thiếu giáo viên tính theo tỷ lệ số lượng giáo viên/lớp, thiếu giáo viên dạy các môn chuyên, đặc biệt các môn Ngoại ngữ, Tin học, Âm nhạc ...

+ Hầu hết các trường đều không có đủ số lượng nhân viên theo quy định, do đó nhiều trường phải bố trí giáo viên hoặc nhân viên không có chuyên môn phù hợp kiêm nhiệm (nhân viên thiết bị, thư viện, văn thư, y tế, ...).

Thực trạng đội ngũ CBQL của các trường học trên địa bàn tỉnh tính đến tháng 01/2024, cụ thể như sau:

| STT | Tên cơ quan chủ quản | Tổng số trường trực thuộc | Số lượng CBQL đang thiếu | | Tổng số CBQL đang thiếu | Số CBQL thiếu đối với các trường giao đạt chuẩn năm 2024 | | (Số CBQL tăng so với Quý I năm 2023) |
|-------------|----------------------|---------------------------|--------------------------|-----------------|-------------------------|--|-----------------|--------------------------------------|
| | | | Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng | | Hiệu trưởng | Phó Hiệu trưởng | |
| 1 | TP Đồng Xoài | 31 | 01 | 01 | 2 | 0 | 0 | 04 |
| 2 | TX Chơn Thành | 23 | 02 | 01 | 03 | 02 | 0 | |
| 3 | TX Bình Long | 21 | 0 | 02 | | 0 | 01 | |
| 4 | TX Phước Long | 23 | 0 | 5 | 0 | 0 | 0 | |
| 5 | Huyện Đồng Phú | 27 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 6 | Huyện Bù Đăng | 54 | 01 | 08 | 01 | 0 | 01 | |
| 7 | Huyện Phú Riềng | 39 | 6 | 13 | 19 | 03 | 05 | 05 |
| 8 | Huyện B.G. Mập | 33 | 0 | 10 | 10 | 0 | 0 | |
| 9 | Huyện Hớn Quản | 34 | 0 | 09 | 09 | 0 | 01 | |
| 10 | Huyện Lộc Ninh | 46 | 0 | 05 | 05 | 0 | 0 | 04 |
| 11 | Huyện Bù Đốp | 22 | 0 | 03 | 0 | 0 | 0 | |
| 12 | Sở GD&ĐT | 37 | 02 | 0 | 02 | 01 | 0 | 04 |
| Cộng | | 390 | 12 | 57 | 51 | 6 | 8 | 17 |

1.3. Tình hình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường học:

| STT | Tên cơ quan chủ quản | Tổng số trường trực thuộc | Tổng số trường thiếu GCN QSDĐ | Số trường thiếu GCN QSDĐ được giao đạt chuẩn năm 2024 | Số trường có nhu cầu mở rộng đất trên cơ sở khu đất cũ năm 2024 |
|-------------|----------------------|---------------------------|-------------------------------|---|---|
| 1 | UBND TP Đồng Xoài | 31 | 0 | 0 | 03 |
| 2 | Thị xã Chơn Thành | 23 | 09 | 03 | |
| 3 | Thị xã Bình Long | 21 | 06 | 01 | |
| 4 | Thị xã Phước Long | 23 | 02 | 02 | |
| 5 | Huyện Đồng Phú | 27 | 04 | 02 | |
| 6 | Huyện Bù Đăng | 54 | 34 | 03 | |
| 7 | Huyện Phú Riềng | 39 | 11 | 05 | |
| 8 | Huyện Bù Gia Mập | 33 | 20 | 01 | |
| 9 | Huyện Hớn Quản | 34 | 14 | 4 | 02 |
| 10 | Huyện Lộc Ninh | 46 | 22 | 5 | 04 |
| 11 | Huyện Bù Đốp | 22 | 03 | 0 | |
| 12 | Sở GD&ĐT | 37 | 07 | 0 | |
| Cộng | | 390 | 132 | 26 | 09 |

(Kèm theo: Phụ lục 2 - Bảng tổng hợp nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhu cầu mở rộng đất năm 2024).

2. Kết quả đạt được

2.1. Kết quả công nhận trường đạt chuẩn

a. Kết quả công nhận tính riêng cho năm 2023

Tổng số trường được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận và cấp Bằng đạt chuẩn quốc gia năm 2023 (bao gồm 23 trường được công nhận ngày 04/01/2024) là 113 trường, chia ra theo cấp học cụ thể như sau:

- Cấp học mầm non: 43 trường;
- Cấp học tiểu học: 32 trường.
- Cấp học trung học cơ sở: 27 trường;
- Cấp học trung học phổ thông: 11 trường.

b. Kết quả công nhận tính theo lũy tiến

Tính đến ngày 10/01/2024, toàn tỉnh có 192/390 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỉ lệ 49,23% - vượt chỉ tiêu được giao theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh là 4,13%.

Kết quả chia theo phân cấp quản lý như sau:

| Stt | Tên cơ quan chủ quản | Tổng số trường trực thuộc | Số lượng trường đạt chuẩn | Tỉ lệ % |
|-------------|------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------|
| 1 | UBND TP Đồng Xoài | 31 | 22 | 70.96 |
| 2 | UBND TX. Chơn Thành | 23 | 12 | 52.17 |
| 3 | UBND TX. Bình Long | 21 | 9 | 42.85 |
| 4 | UBND TX. Phước Long | 23 | 16 | 69.56 |
| 5 | UBND huyện Đồng Phú | 27 | 13 | 48.14 |
| 6 | UBND huyện Bù Đăng | 54 | 26 | 48.14 |
| 7 | UBND huyện Phú Riềng | 39 | 21 | 53.84 |
| 8 | UBND huyện Bù Gia Mập | 33 | 8 | 24.24 |
| 9 | UBND huyện Hớn Quản | 34 | 12 | 35.29 |
| 10 | UBND huyện Lộc Ninh | 46 | 19 | 41.30 |
| 11 | UBND huyện Bù Đốp | 22 | 14 | 63.63 |
| 12 | Sở Giáo dục và Đào tạo | 37 | 20 | 54,05 |
| Cộng | | 390 | 192 | 49,23% |

III. CHỈ TIÊU, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TIÊU CHÍ

1. Chỉ tiêu

Năm 2024, toàn tỉnh phấn đấu có ít nhất 225/390 cơ sở giáo dục công lập được công nhận đạt chuẩn quốc gia quốc gia (tương ứng tỉ lệ 57,69 %).

Số trường được công nhận và công nhận lại trong năm 2024 chia theo phân cấp quản lý như sau:

| STT | Tên cơ quan chủ quản | Tổng số trường trực thuộc | Số trường cần được công nhận đạt chuẩn quốc gia chỉ tính riêng cho năm 2024 (bao gồm các trường đã đăng ký vượt cho năm 2023) | Tổng số trường đạt chuẩn đến hết năm 2024 (lũy tiến) | Tỉ lệ % |
|------------------|----------------------|---------------------------|---|--|----------------|
| 1 | UBND TP Đồng Xoài | 31 | 04 | 26 | 83.87 |
| 2 | UBND TX. Chơn Thành | 23 | 04 | 16 | 69.56 |
| 3 | UBND TX. Bình Long | 21 | 03 | 12 | 57.14 |
| 4 | UBND TX. Phước Long | 23 | 02 | 18 | 78.26 |
| 5 | UBND huyện Đồng Phú | 27 | 03 | 16 | 59.25 |
| 6 | UBND huyện Bù Đăng | 54 | 05 | 31 | 57.40 |
| 7 | UBND huyện Phú Riềng | 39 | 05 | 23 | 58.97 |
| 8 | UBND H. Bù Gia Mập | 33 | 05 | 13 | 39.39 |
| 9 | UBND huyện Hớn Quản | 34 | 08 | 18 | 41.17 |
| 10 | UBND huyện Lộc Ninh | 46 | 07 | 22 | 47.82 |
| 11 | UBND huyện Bù Đốp | 22 | 04 | 15 | 68.18 |
| 12 | Đơn vị trực thuộc Sở | 37 | 05 | 23 | 62.16 |
| Tổng cộng | | 390 | 55 | 233 | 59,74 % |

(Tỉ lệ ở Bảng trên có tăng so với tỉ lệ được giao theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh do một số địa phương đăng ký dự phòng, thay thế được thể hiện chi tiết tại Phụ lục 1, kèm theo Kế hoạch).

2. Kế hoạch thực hiện các tiêu chí

Trong tháng 12/2023, Sở GD&ĐT đã phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tiến hành rà soát và thống nhất các giải pháp nhằm cụ thể hóa các tiêu chí để các trường học được giao đạt chuẩn quốc gia năm 2024 hoàn thành chỉ tiêu theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh (*Công văn số 4136/SGDDĐT-QLCLGD ngày 06/12/2023 của Sở GD&ĐT báo cáo kế hoạch xây dựng trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia năm 2024*).

Ngoài chỉ tiêu, số lượng trường cần đạt chuẩn quốc gia theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh giao; UBND tỉnh khuyến khích các địa phương căn cứ tình hình thực tế, đăng ký thêm số trường đạt chuẩn để giảm áp lực chỉ tiêu trường học đạt chuẩn quốc gia cho năm 2025, nhằm đạt chỉ tiêu xây dựng trường chuẩn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025.

(Kèm theo: Phụ lục 1 - Bảng tổng hợp kế hoạch thực hiện tiêu chí để đạt trường chuẩn quốc gia năm 2024).

IV. GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo

Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt, đồng bộ của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức - đoàn thể và toàn xã hội. Xác định công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia là mục tiêu quan trọng trong sự nghiệp phát triển GD&ĐT; đồng thời là giải pháp tiên quyết nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đòi hỏi các cấp quản lý tăng cường sự chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện tốt các nội dung: xây dựng kế hoạch với lộ trình, giải pháp cụ thể, đồng bộ; triển khai thực hiện kế hoạch khoa học, phù hợp với tình hình thực tế của cơ sở giáo dục và của địa phương; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và công tác hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, tham mưu, phối hợp

- Tuyên truyền sâu rộng trong toàn xã hội về kết quả công tác xây dựng trường chuẩn trong thời gian qua; tầm quan trọng, sự cần thiết và lộ trình, các điều kiện cần có để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trong năm 2024 để tạo sự đồng thuận, chia sẻ, hỗ trợ cùng ngành Giáo dục trong quá trình thực hiện.

- Tăng cường công tác truyền thông, vận động triển khai xây dựng trường chuẩn quốc gia gắn với xây dựng nông thôn mới. Đây là giải pháp quan trọng để tạo ra sự đồng thuận về sự cần thiết phải xây dựng trường chuẩn quốc gia, từ đó có trách nhiệm phối hợp với ngành Giáo dục cùng thực hiện. Tạo ra sự chuyển biến về nhận thức đúng trong lãnh đạo của địa phương và nhân dân về việc xây dựng trường chuẩn quốc gia, xem đây là một yêu cầu cần thiết, tất yếu để nâng cao chất

lượng toàn diện cho việc dạy và học trong giai đoạn hiện nay.

- Tích cực tham mưu với lãnh đạo các cấp về lộ trình xây dựng trường chuẩn trong năm 2024. Trong đó, quan tâm đến đồng thời các trường học duy trì đạt chuẩn và các trường phấn đấu được công nhận mới theo kế hoạch; phân công, phân nhiệm cụ thể từng nội dung về đầu tư cơ sở vật chất, bố trí kinh phí thực hiện, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giáo viên, chất lượng giáo dục, công tác xã hội hóa...

- Tích cực phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, hội, đoàn thể các cấp để huy động sự tham gia, cộng đồng trách nhiệm trong công tác giáo dục nói chung và công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia nói riêng.

3. Nâng cao chất lượng đội ngũ, đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu hợp lý

- Tiếp tục xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL, GV, NV, bắt đầu từ quan điểm, nhận thức về những mục tiêu, nội dung giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tăng cường củng cố bộ máy tổ chức trong nhà trường, đảm bảo đáp ứng quy định về số lượng và chất lượng của CBQL, GV, NV; bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý các hoạt động giáo dục của nhà trường; đủ về số lượng, hoàn thiện về cơ cấu, có chất lượng cao.

- Đa dạng hóa hình thức bồi dưỡng đội ngũ để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Khuyến khích các trường tìm ra các giải pháp phù hợp, đúng quy định để nâng cao chất lượng dạy và học nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng của trường chuẩn quốc gia.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học

- Tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, nâng cao hiệu quả tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học.

- Huy động tối đa học sinh ra lớp, duy trì tốt sĩ số học sinh, thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục học sinh, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn.

- Tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, kỹ năng sống, xây dựng thái độ học tập tích cực cho học sinh. Triển khai tốt các cuộc vận động và các phong trào thi đua của ngành Giáo dục; đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ, giáo dục ngoài giờ lên lớp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực học sinh; đẩy mạnh các biện pháp bồi dưỡng học sinh khá giỏi nhằm tăng tỉ lệ học sinh khá, giỏi; quan tâm phụ đạo học sinh yếu kém để từng bước nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giảm tỉ lệ học sinh lưu ban, bỏ học, tỉ lệ học sinh yếu, kém.

- Đổi mới công tác kiểm tra và đánh giá, mạnh dạn đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh; vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy, tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động nâng cao chất lượng dạy học. Triển khai hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua của ngành; đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao, giáo dục kỹ năng sống, an toàn giao thông, ...

5. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị; đẩy mạnh công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường học

- Cụ thể hóa chương trình hành động của ngành, của địa phương để lập kế hoạch lồng ghép các nguồn lực, vận động các doanh nghiệp và mạnh thường quân, đầu tư cơ sở vật chất, sửa chữa trường lớp học, mua sắm và trang bị các thiết bị dạy học hiện đại; tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước cho phát triển GD&ĐT nói chung, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia nói riêng, đảm bảo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của sự nghiệp GD&ĐT.

- Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa, hiện đại hoá đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn quy định tại các Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định phòng học bộ môn các cơ sở giáo dục phổ thông và Quyết định số 49/2021/UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Sắp xếp, bố trí các khối công trình hợp lý để tăng cường hiệu quả sử dụng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tăng cường thực hiện các quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

- Rà soát tổng thể tình hình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường học; rà soát việc phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị để giải quyết, xử lý dứt điểm những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính về đất đai của trường học cũng như thủ tục mở rộng quỹ đất của các trường nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động giáo dục và đáp ứng tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định hiện hành; đảm bảo tiến độ việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định.

6. Công tác kiểm tra, họp chuyên đề

- Định kỳ hằng quý, Sở GD&ĐT tổng hợp kết quả triển khai thực hiện từ các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ sở giáo dục, báo cáo UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền đúng quy định; đồng thời, tổ chức họp giao ban chuyên đề về xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia để xem xét, giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền và tham mưu UBND tỉnh các giải pháp khả thi để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với những nội dung vượt thẩm quyền.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch ở các địa phương, các cơ sở giáo dục.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là Cơ quan Thường trực, giúp UBND tỉnh triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc

thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, phù hợp tình hình thực tế. Trong đó:

1.1. Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị liên quan rà soát, báo cáo các khó khăn, vướng mắc để hoàn thành chỉ tiêu xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2024, báo cáo UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền theo quy định.

1.2. Phối hợp các sở, ngành, địa phương chỉ đạo bộ phận, đơn vị, cơ quan trực thuộc chủ động tổ chức, triển khai và thực hiện có hiệu quả các nội dung theo lĩnh vực phụ trách nhằm đạt chỉ tiêu trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2024 và giai đoạn 2021-2025.

1.3. Phối hợp với Sở Nội vụ, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện:

- Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập; Thông tư số 21/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập.

- Xây dựng, phê duyệt danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT để làm cơ sở giao biên chế, tuyển dụng, cơ cấu lại đội ngũ viên chức, tiến tới thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ Bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

1.4. Phối hợp với UBND các huyện, thị xã thành phố rà soát, tổng hợp tình hình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các trường học theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và phối hợp với UBND cấp huyện đôn đốc các trường chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền để được chỉ đạo kịp thời, đúng quy định.

1.5. Chủ động đôn đốc, hướng dẫn các Phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá, đảm bảo đúng quy trình theo quy định.

1.6. Định kỳ hằng quý, tổ chức các cuộc họp chuyên đề làm việc với UBND các huyện, thị xã, thành phố để tìm biện pháp hoặc tham mưu biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

Yêu cầu:

- Đối với các nhiệm vụ được giao tại tiểu mục 1.2, 1.3 và 1.5: ***Hoàn thành trước ngày 15/03/2024.***

- Đối với các nhiệm vụ khác: Triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện về UBND tỉnh **trước ngày 15 của tháng cuối mỗi quý**.

2. Sở Nội vụ

2.1. Phối hợp với Sở GD&ĐT, UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát nhu cầu biên chế viên chức sự nghiệp giáo dục; tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giao bổ sung số lượng hợp đồng lao động làm công việc ở vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục năm học 2024 - 2025 theo đúng quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ. **Thời gian hoàn thành: tháng 9/2024.**

2.2. Thẩm định và phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo đúng quy định.

Yêu cầu: Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện các nội dung trên và các nhiệm vụ khác được giao có liên quan, gửi Sở GD&ĐT **trước ngày 10 của tháng cuối mỗi quý** để tổng hợp, tham mưu UBND cụ thể.

3. Sở Tài chính

Căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch; đồng thời, thực hiện thẩm định, quyết toán theo đúng quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở GD&ĐT và đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét bổ sung các dự án lĩnh vực GD&ĐT vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 khi vốn ngân sách tỉnh được đảm bảo và theo quy định của Luật Đầu tư công.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

5.1. Tổ chức thẩm định nhu cầu sử dụng đất do UBND các huyện, thị xã, thành phố đăng ký, trong đó có xét đến nhu cầu mở rộng các điểm trường đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn trường học đạt chuẩn quốc gia.

5.2. Hướng dẫn Sở GD&ĐT, UBND cấp huyện để hướng dẫn các trường trực thuộc về quy trình để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tham mưu UBND tỉnh giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng thẩm quyền, đúng quy định.

Yêu cầu:

- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện các nội dung trên và các nhiệm vụ khác có liên quan được giao, gửi Sở GD&ĐT **trước ngày 10 của tháng cuối mỗi quý** để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh cụ thể.

- **Phấn đấu đến tháng 6/2024**, tất cả các trường trong lộ trình đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan thẩm định dự án đầu tư xây dựng theo đúng quy định. Trong quá trình thực hiện thẩm định các dự án đầu tư xây dựng công trình giáo dục phải tuân thủ đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế hiện hành, lưu ý đến quy mô và quy cách quy định đối với trường học đạt chuẩn quốc gia.

7. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

Đẩy nhanh tiến độ thi công đối với các công trình thuộc ngành Giáo dục được UBND tỉnh giao thực hiện năm 2023, năm 2024 để các cơ sở giáo dục đáp ứng tiêu chí về cơ sở vật chất theo yêu cầu trường học đạt chuẩn quốc gia.

8. UBND các huyện, thị xã, thành phố

8.1. Rà soát thực trạng từng trường trực thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc lộ trình đạt chuẩn được giao trong năm 2024; có kế hoạch bổ sung chi tiết cho từng cơ sở giáo dục được giao đạt chuẩn năm 2024; đề ra giải pháp khả thi, tập trung các nguồn lực hợp pháp, thực hiện hiệu quả các tiêu chí xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2024 đúng quy định, đúng yêu cầu.

8.2. Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và UBND cấp xã: phối hợp triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ các trường học thực hiện tốt công tác tự đánh giá, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá đảm bảo chất lượng; chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền thực hiện các tiêu chuẩn, tiêu chí chưa đạt để hoàn thành đúng thời gian quy định; chủ động hoặc phối hợp trong việc thực hiện mua sắm các thiết bị, dụng cụ dạy học đảm bảo đúng quy định; chỉ đạo các đơn vị trường học được giao đạt chuẩn năm 2024 gửi hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài về Sở GD&ĐT theo 03 đợt: **Đợt 01** (trước ngày 31/3/2024), **Đợt 2** (trước ngày 30/6/2024) và **Đợt 3** (trước ngày 30/8/2024), để kịp thực hiện các bước khảo sát theo quy định nhằm công nhận kết quả của đơn vị trong tháng 11/2024; định kỳ báo cáo UBND tỉnh (qua Sở GD&ĐT) về tiến độ thực hiện kế hoạch.

8.3. Ưu tiên bố trí kinh phí để xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, dụng cụ dạy học đảm bảo yêu cầu tiêu chí trường học đạt chuẩn quốc gia cho các trường được giao trong năm 2024.

8.4. Phối hợp với Sở Nội vụ khẩn trương rà soát nhu cầu biên chế viên chức sự nghiệp giáo dục năm học 2024 - 2025; đề xuất số lượng người làm việc so với định mức do Bộ GD&ĐT quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT, Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023, gửi Sở Nội vụ tổng hợp. Khi được cấp có thẩm quyền giao biên chế; kịp thời tổ chức tuyển dụng, quản lý, sử dụng hiệu quả số biên chế giáo viên theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, vị trí việc làm, cơ cấu môn học theo từng cấp học. Rà soát lại nhu cầu giáo viên quản lý ở các trường trực thuộc, khẩn trương xây dựng phương án bố trí giáo viên quản lý cho những đơn vị còn thiếu.

8.5. Phối hợp với Sở GD&ĐT, Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan nghiên cứu việc tổ chức lại các cơ sở giáo dục gắn với nâng cao chất lượng giáo dục để tính toán và có giải pháp khả thi, hiệu quả khi rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô

lớp học; sắp xếp các điểm trường trên nguyên tắc thuận lợi cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của vùng, miền, địa phương; đồng thời, điều chuyển giáo viên từ nơi thừa sang nơi thiếu, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ.

8.6. Hướng dẫn các trường học trên địa bàn về quy trình, thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của trường; giao nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, ban chuyên môn, UBND cấp xã hướng dẫn, đôn đốc để các trường được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; có phương án bố trí quỹ đất để mở rộng quy mô trường lớp nhằm đáp ứng yêu cầu tăng số lượng học sinh hằng năm.

8.7. Huy động tối đa mọi nguồn lực, đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động các nguồn vốn của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tài trợ, góp vốn xây dựng, hiến đất, cho vay vốn đầu tư.

8.8. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tạo sự đồng thuận trong xã hội để mọi người dân ủng hộ và chia sẻ trách nhiệm với Nhà nước trong đầu tư phát triển giáo dục.

Yêu cầu:

- Đối với các nhiệm vụ được nêu tại tiểu mục 8.1, 8.2 và 8.6: ***Hoàn thành trước ngày 15/3/2024.***

- Đối với các nhiệm vụ khác: Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện các nội dung trên và các nhiệm vụ khác có liên quan được giao, gửi Sở GD&ĐTĐT ***trước ngày 10 của tháng cuối mỗi quý*** để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh cụ thể.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện các tiêu chí để đạt chỉ tiêu trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2024./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND tỉnh,
BTT Ủy ban MTTQ Việt Nam;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban VH-XH, HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, PVX_(Nga.VB35/24).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

| | | | | | | |
|---|---------------------------------------|-------------------------|---|---|--|-----------------|
| 2 | THPT Chu Văn An | Thị xã Chơn Thành | Tiêu chí 1.3: Chi bộ hiện chưa có Bí thư. | Cần bổ sung 1 Bí thư Chi bộ. | Trình Thị uỷ thị xã Chơn Thành xem xét, bổ sung, kiện toàn Chi uỷ. (Dự kiến: tháng 1/2024). | Tháng 4/2024 |
| | | | Tiêu chí 2.2: nhà trường hiện đang thiếu 01 giáo viên Tiếng Anh, 01 giáo viên Tin học. | Cần bổ sung 01 giáo viên Tiếng Anh và 01 giáo viên Tin học. | Hiện nhà trường đã hợp đồng 01 GV Tiếng Anh, phân công một số giáo viên khác đủ điều kiện để dạy môn Tin học. | |
| | | | Tiêu chí 3.2: nhà trường chưa có phòng học bộ môn cho môn Âm nhạc và Mỹ thuật, phòng KHXH, chưa có nhà tập đa năng. | Cần bổ sung 01 phòng học bộ môn âm nhạc, 01 phòng bộ môn Mỹ thuật, phòng KHXH và 01 nhà đa năng. | Hiện tại trường đang tận dụng các phòng học chưa sử dụng để hoán đổi công năng. | |
| | | | Tiêu chí 3.4: Nhà vệ sinh của học sinh đã cũ, hệ thống thoát nước không còn đạt yêu cầu, nhà trường chưa có hệ thống PCCC đạt chuẩn (bao gồm hệ thống bồn chứa nước, hệ thống ống nước ...) | Cần sửa chữa nhà vệ sinh học sinh, bổ sung hệ thống phòng cháy chữa cháy. | Sở GD&ĐT đang xây dựng phương án khắc phục. | |
| | | | Tiêu chí 3.5: nhà trường còn thiếu nhiều thiết bị dạy học, cụ thể: 01 Phòng máy Tin học chỉ còn 14 máy hoạt động bình thường. Các thiết bị, dụng cụ tối thiểu theo Thông tư 39/2021/TT-BGDĐT nhà trường chưa được cấp mới. | Cần bổ sung 2 phòng máy (48 máy tính) để bảo đảm việc dạy môn Tin học. Cần được cấp thiết bị dạy học tối thiểu theo chương trình GDPT 2018. | Sở GD&ĐT đang xây dựng phương án khắc phục, bổ sung. | |
| 3 | 2. Trường THCS-THPT Nguyễn Bình Khiêm | Thị xã Chơn Thành | - Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và tổ chuyên môn: Hiện tại nhà trường có 01 Phó hiệu trưởng còn thiếu 01 PHT so với quy định. - Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. + Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên: | | -Tiêu chí 1.4: Sở GD&ĐT đang rà soát, điều động. - Tiêu chí 2.2: Đã hợp đồng GV môn Mĩ thuật. Đối với 02 GV trình độ Cao đẳng nhà trường đã | Tháng 4/2024 |

| | | | | | |
|--|--|--|---|---|--|
| | | | <p>Hiện tại nhà trường thiếu 01 GV môn Mỹ thuật. Có 02 giáo viên có trình độ Cao đẳng (01 Tiếng Anh, 01 Thể dục).</p> <p>+ Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên: Hiện tại nhà trường thiếu nhân viên thư viện.</p> <p>- Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học:</p> <p>+ Tiêu chí 3.2. Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập: Các thiết bị các phòng học bộ môn gồm: Phòng Âm nhạc, phòng Mỹ thuật, phòng Công nghệ, phòng chức năng hiện tại chưa có thiết bị. Đối với các phòng Phòng tin học (Hiện tại nhà trường có 14 máy vi tính còn hoạt động không đáp ứng cho việc giảng dạy môn Tin học của 02 cấp học), Phòng Lab (ngoại ngữ), phòng thí nghiệm vật lý, phòng thí nghiệm hóa học, phòng thí nghiệm sinh học: các thiết bị đã xuống cấp và hư hỏng không còn sử dụng được.</p> <p>+ Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước: Khu vệ sinh học sinh đã xuống cấp, hư hỏng, chưa đảm bảo.</p> <p>+ Tiêu chí 3.5. Thiết bị: Nhà trường chưa có đủ các thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định.</p> <p>+ Tiêu chí 3.6. Thư viện: Sách giáo khoa, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, các xuất bản phẩm tham</p> | <p>đăng ký cho 02 GV đi đào tạo bồi dưỡng theo kế hoạch của Sở GD (Hiện nay đang chờ mở lớp).</p> <p>- Tiêu chí 2.3: Nhà trường đang phân công giáo viên kiêm nhiệm.</p> <p>- Tiêu chuẩn 3: Sở GD&ĐT đang xây dựng phương án khắc phục.</p> | |
|--|--|--|---|---|--|

| | | | | | | |
|--------------------------------|-----------------------------|---------------|---|--|--|---------------|
| | | | khảo tối thiểu phục vụ cho hoạt động dạy học và các hoạt động khác còn thiếu, chưa đảm bảo. Diện tích thư viện nhỏ. | | | |
| 4 | 4. Trường THCS&THPT Đăng Hà | Huyện Bù Đăng | Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên Nhà trường còn 4 giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ theo Luật giáo dục 2019 (trong đó 1 GV đang học ĐH năm cuối, 2 GV đã đăng ký học về Sở GD mà chưa có lớp học, 1 GV Tiếng Anh SN 1971 không đăng ký học nâng chuẩn vì lý do sức khỏe, nhà trường đã báo về sở GD&ĐT). | | Năm 2025 | |
| | | | - Tiêu chí 3.2. + Cấp THCS: Còn thiếu 1 phòng bộ môn Âm nhạc, 1 phòng bộ môn Mỹ thuật, 1 phòng bộ môn Công nghệ, 2 phòng bộ môn KHTN, 2 phòng bộ môn KHXH, 1 phòng đa chức năng. + Cấp THPT: Còn thiếu 1 phòng đa chức năng, thiếu 2 phòng bộ môn KHXH, 1 phòng bộ môn Âm nhạc, 1 phòng bộ môn Mỹ thuật, 1 nhà đa năng. | | Sở GD&ĐT rà soát, đề nghị Sở KH và ĐT bổ sung vốn xây mới các phòng còn thiếu ở Tiêu chí 3.2 thuộc Tiêu chuẩn 3. | |
| II. THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI | | | | | | |
| 5 | 1. Trường MN Hoa Phượng | TP Đồng Xoài | Thiếu thiết bị đồ dùng đồ chơi ngoài trời, phòng chức năng; dãy 12 phòng học bị rêu mốc, hàng rào cũ. | - Thiếu 11 loại thiết bị đồ chơi ngoài trời; 15 máy kismart; thảm lót sàn phòng GDTC, 3 Tivi. - Sơn, chống thấm dãy 12 phòng học, sơn lại hàng rào. | - UBND thành phố bố trí kinh phí mua sắm thiết bị (hoàn thành trong tháng 2/2024). -UBND thành phố đã có chủ trương sửa chữa các trường trong lộ trình công nhận chuẩn QG | Tháng 02/2024 |

| | | | | | | |
|---|-------------------------|--------------|--|--|---|---------------|
| | | | | | năm 2024 (hoàn thành tháng 6/2024) | |
| 6 | 2. Trường TH Tân Thiện | TP Đồng Xoài | <ul style="list-style-type: none"> - Sĩ số học sinh quá 35 HS so với quy định ở khối 1, 2, 5. -Thiếu giáo viên - Thiếu thiết bị dạy học phòng NN; máy vi tính phòng tin học | <ul style="list-style-type: none"> - Toàn trường dư 19 HS; - Thiếu 04 giáo viên - 35 thiết bị và bàn ghế phòng Ngoại ngữ, thay 10 bảng từ tại lớp học, 3 tivi phòng học; | <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng Kế hoạch điều tiết tuyển sinh đầu cấp phù hợp với điều kiện của trường, đáp ứng yêu cầu quy định. - Ưu tiên bố trí giáo viên khi có thêm biên chế hay hợp đồng chuyên môn thêm ND 111 - UBND thành phố bố trí kinh phí mua sắm thiết bị (hoàn thành tháng 2/2024). | Tháng 02/2024 |
| 7 | 3. Trường TH Tân Bình B | TP Đồng Xoài | <ul style="list-style-type: none"> - Sĩ số học sinh quá 35 HS so với quy định ở tất cả các lớp 2,3,4,5. - Thiếu GV, nhân viên - Cơ sở vật chất xuống cấp | <ul style="list-style-type: none"> - Tách mỗi khối thêm 1 lớp tại khối 2,3,4. - Bổ sung thêm 08 GV; 1 nhân viên - Làm sân (lát gạch), hệ thống thoát nước sân trường (02 sân). Cải tạo cổng trường, sơn lại dãy 10 phòng học. | <ul style="list-style-type: none"> - Trường đang xây dựng 18 phòng học, phòng bộ môn. (hoàn thành tháng 5/2024) - Ưu tiên bố trí giáo viên khi có thêm biên chế hay hợp đồng chuyên môn thêm Nghị định 111. - UBND thành phố đã có chủ trương sửa chữa các trường trong lộ trình công nhận chuẩn QG năm 2024 (hoàn thành tháng 6/2024) | Tháng 8/2024 |
| 8 | 4. THCS Tân Thiện | TP Đồng Xoài | <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu thiết bị dạy học để đáp ứng thực hiện CTGDPT 2018. - Thiếu giáo viên. | <ul style="list-style-type: none"> - 25 máy tính phòng Tin học, 45 giá vẽ phòng Mỹ thuật, thiếu thiết bị phòng Âm nhạc - Thiếu 02 giáo viên (Một giáo viên Toán, Ngữ văn) | <ul style="list-style-type: none"> - UBND thành phố bố trí kinh phí mua sắm thiết bị (hoàn thành trong tháng 2/2024). -Ưu tiên bố trí giáo viên khi có thêm biên chế hay | Tháng 02/2024 |

| | | | | | | |
|------------------------------|-------------------------------|------------------|---|--|---|---------------|
| | | | | | hợp đồng chuyên môn thêm theo NĐ 111. | |
| III. THỊ XÃ BÌNH LONG | | | | | | |
| 9 | 1. Trường TH Võ Thị Sáu | Thị xã Bình Long | 1. Thiếu GCNQSDĐ 2. Thiếu phòng chức năng. | Thiếu 10 phòng chức năng | 1. UBND thị xã đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp hỗ trợ, hướng dẫn nhà trường thực hiện các quy định đăng ký cấp GCNQSDĐ. Dự kiến hoàn thành: tháng 5/2024. 2. UBND thị xã đã bố trí kinh phí xây dựng. Hiện công trình đã được khởi công vào tháng 12/2023. Dự kiến hoàn thành: tháng 8/2024 | Tháng 10/2024 |
| 10 | 2. Trường TH&THCS Thanh Phú | Thị xã Bình Long | Thiếu phòng học cho bậc tiểu học (thay thế phòng học đã xuống cấp) và các phòng chức năng | Xây mới 15 phòng học cho bậc tiểu học tại điểm trường chính, (thay thế phòng học đã xuống cấp ở điểm trường tại ấp Sóc Bé và các phòng chức năng). | Đã xây dựng, đang trong giai đoạn hoàn thiện | Quý 2/2024 |
| 11 | 3. Trường TH&THCS Thanh Lương | Thị xã Bình Long | Thiếu phòng chức năng | Thiếu 06 phòng chức năng khối TH, 13 phòng chức năng khối THCS. | UBND thị xã đã bố trí kinh phí xây dựng. Đang phê duyệt dự án. Dự kiến khởi công quý 01/2024 | Tháng 10/2024 |
| IV. THỊ XÃ PHƯỚC LONG | | | | | | |
| 12 | 1. Trường THCS Phước Bình | TX Phước Long | Cơ bản đáp ứng so với trường đạt KĐCLGD cấp độ 2 | | | Tháng 9/2024 |
| 13 | 2. Trường Mẫu Giáo Phước Bình | TX Phước Long | Cơ bản đáp ứng so với trường đạt KĐCLGD cấp độ 2 | | | Tháng 9/2024 |
| V. THỊ XÃ CHƠN THÀNH | | | | | | |
| 14 | 1. Trường TH Quang Minh | TX Chơn Thành | - 06 phòng học (kèm thiết bị), kèm nhà nghỉ giáo viên. | - Đầu tư 6.000.000.000 - 2.5000.000.000 | Hoàn thành trong Quý III/2024 | Quý III/2024 |

| | | | | | | |
|---------------------|------------------------------------|---------------|---|--|-------------------------------|--------------|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 02 phòng chức năng (kèm thiết bị) - Thiếu khu hiệu bộ - Thiếu phòng y tế - Trang trí cảnh quan | <ul style="list-style-type: none"> - 6.000.000.000 - 700.000.0000 - 2.500.000.000 | | |
| 15 | 2. Trường TH Minh Hưng B | TX Chơn Thành | <ul style="list-style-type: none"> - Xây lại 12 phòng học (Hiện là phòng cấp 4 xuống cấp) - 06 phòng chức năng - Thư viện - Thiết bị - Phòng họp - Nhà vệ sinh học sinh - Mái che tập TDTT, GDTC - Chi phí trang trí cảnh quan - Thiếu Hiệu trưởng | <ul style="list-style-type: none"> - 9.600.000.000 - 6.000.000.000 - 1.500.000.000 - 800.000.000 - 200.000.000 - 700.000.000 - 1.200.000.000 - 2.000.000.000 - Đang thực hiện quy trình bổ nhiệm (Quý I/2024) | Hoàn thành trong Quý III/2024 | Quý III/2024 |
| 16 | 3.TH&THCS Minh Thành | TX Chơn Thành | - Thiếu 08 phòng chức năng (kèm thiết bị) - THCS | - 9.000.000.000 | Hoàn thành trong Quý III/2024 | |
| | | | - Thiếu nhà đa năng | - Đang xây dựng | | |
| | | | - Thiếu 06 phòng chức năng (kèm thiết bị) - TH | - 6.500.000.000 | | |
| | | | - Thiếu 02 Nhà để xe giáo viên, nhân viên | - 800.000.000 | | |
| | | | - Thiếu Hội trường (phòng họp) | - 1.500.000.000 | | |
| | | | - Thiếu 02 Nhà vệ sinh học sinh | - 2.000.000.000 | | |
| | | | - Thiếu Tu sửa 10 phòng học khối THCS, kèm bàn ghế | - 1.200.000.000 | | |
| | | | - Thiếu Tu sửa toàn bộ 26 phòng học, khu hiệu bộ - Tiểu học | - 2.500.000.000 | | |
| | | | - Thiếu 02 Nhà vệ sinh giáo viên | - 1.200.000.000 | | |
| | | | - Xây thêm 10 phòng học - Tiểu học | - 8.000.000.000 | | |
| | | | - Hệ thống thoát nước, PCCC | - 2.000.000.000 | | |
| | | | - Chi phí trang trí cảnh quan | - 3.000.000.000 | | |
| - Thiếu Hiệu trưởng | - Đang tiến hành các bước bổ nhiệm | Quý I/2024 | | | | |

| | | | | | | |
|---------------------------|-----------------------|---------------|--|---|---|---------------|
| | | | - Thiếu biên chế GV | - Phòng Nội vụ tham mưu bổ sung. | Quý II/2024 | |
| 17 | 4. THCS Minh Thắng | TX Chơn Thành | Thiếu 03 phòng chức năng (kèm thiết bị) | 4.000.000.000 | Đã đầu tư, dự kiến hoàn thành vào Quý II/2024 | Quý II/2024 |
| | | | Thiếu nhà đa năng (liên quan CSVC mức 2 đạt chuẩn NTM Nâng cao) | Đang xây dựng | Đã đầu tư, dự kiến hoàn thành vào Quý II/2024 | |
| | | | Khu hiệu bộ | Đang xây dựng | Đã đầu tư, dự kiến hoàn thành vào Quý II/2024 | |
| | | | Phòng bảo vệ | 500.000.000 | Đã đầu tư, hoàn thành vào Quý II/2024 | |
| | | | Nhà vệ sinh học sinh | 1.000.000.000 | Đã đầu tư, hoàn thành vào Quý II/2024 | |
| | | | Chi phí trang trí cảnh quan | 2.500.000.000 | Đã đầu tư, hoàn thành vào Quý II/2024. | |
| VI. HUYỆN ĐỒNG PHÚ | | | | | | |
| 18 | 1.MN Thuận Phú | H. Đồng Phú | Thiếu phòng học, phòng chức năng | 04 phòng học, 06 phòng chức năng (7,4 tỷ đồng) | Đã đưa vào kế hoạch đầu tư công năm 2024. | Tháng 10/2024 |
| 19 | 2.MN Tân Phước | H. Đồng Phú | Thiếu phòng học, phòng chức năng | 01 phòng học, 4 phòng chức năng (8,3 tỷ đồng) | Đã đưa vào kế hoạch đầu tư công năm 2024. | Tháng 10/2024 |
| 20 | 3.TH&THCS Tân Hòa | H. Đồng Phú | Thiếu Nhà thi đấu đa năng, thiết bị các phòng chức năng | 01 nhà đa năng, thiết bị các phòng chức năng (6,3 tỷ đồng) | Đã đưa vào kế hoạch đầu tư công năm 2024. | Tháng 10/2024 |
| VII. HUYỆN BÙ ĐĂNG | | | | | | |
| 21 | 1.Trường MG Phước Sơn | H. Bù Đăng | - Thiếu 1 số hạng mục; ở Điểm trường chính và điểm lẻ. - Chưa có giấy chứng nhận QSDĐ. - Thiếu giáo viên, nhân viên. | - Điểm trường chính: Khu vận động ngoài trời có mái che đi kèm thiết bị; sân bê tông điểm trường lẻ. - Đất Điểm chính: diện tích cũ đã có sổ, diện tích mới đang làm hồ sơ. Thiếu 02 giáo viên, 01 nhân viên. | UBND huyện dự kiến bố trí nguồn kinh phí dự phòng để xây dựng bổ sung một số hạng mục còn thiếu; cho chủ trương hợp đồng giáo viên. Thời gian hoàn thành dự kiến trong quý II/2024. | Tháng 8/2024 |
| 22 | 2.Trường MG Hoa Hồng | H. Bù Đăng | - Thiếu một số hạng mục. - Chưa có Giấy CNQSD đất (hồ sơ đã gửi Trung tâm hành chính công tỉnh). | - Cơ bản đáp ứng các tiêu chí: Điểm trường chính: Thiếu sân bê tông, khu trò chơi vận động ngoài trời có mái che, thiết bị vận động | UBND huyện sẽ bố trí đầu tư bổ sung một số hạng mục còn thiếu. Thời gian hoàn thành dự kiến | Tháng 8/2024 |

| | | | | | | |
|----|-----------------------|------------|---|--|--|---------------|
| | | | | ngoài trời, mái che sân khấu. - Chưa có Giấy CNQSD đất (hồ sơ đã gửi Trung tâm hành chính công tỉnh); điếm lễ chung với nhà văn hóa thôn Đăng Lang. | trong quý III/2024. | |
| 23 | 3.Trường MN Tuổi Hồng | H. Bù Đăng | - Thiều một số hạng mục - Chưa có Giấy chứng nhận QSDĐ. - Thiều giáo viên, nhân viên | - Cơ bản đáp ứng các tiêu chí: Thiều thiết bị khu trò chơi vận động ngoài trời có mái che, thiết bị đồ chơi ngoài trời, sân khấu có mái che, cột cờ, cải tạo dãy phòng học cũ; sửa chữa nhà vệ sinh GV và HS, hàng rào phía sau. - Chưa có Giấy chứng nhận QSDĐ. Đang xem xét chia 1 phần đất cho trường TH&THCS Nghĩa Bình. - Thiều 6 giáo viên, 01 nhân viên. | UBND huyện bố trí đầu tư bổ sung một số hạng mục còn thiếu; cho chủ trương hợp đồng giáo viên. Thời gian hoàn thành dự kiến trong quý II/2024. | Tháng 8/2024 |
| 24 | 4.Trường TH Đăng Hà | H. Bù Đăng | Thiếu khối phòng hành chính, hỗ trợ, phụ trợ và một số hạng mục. - Diện tích đất cũ đã có Giấy CNQSD đất. Diện tích bổ sung thêm đã gửi hồ sơ về Trung tâm hành chính công tỉnh. | Điểm trường chính: Thiều 06 phòng hành chính; 04 phòng hỗ trợ học tập, 03 phòng phụ trợ. Hạng mục khác: công trình vệ sinh, nhà để xe cho GV và HS, sân chơi, cây xanh, phòng cháy chữa cháy, mương thoát nước. Điểm Thôn 4: thiếu 04 phòng học, công trình vệ sinh, nhà để xe cho giáo viên và học sinh, sân chơi. - Diện tích đất cũ đã có Giấy CNQSD đất. Diện tích bổ sung thêm đã gửi hồ sơ về Trung tâm hành chính công tỉnh. | UBND huyện đã có Kế hoạch bố trí vốn đầu tư công năm 2024. Thời gian hoàn thành dự kiến trong quý IV/2024. | Tháng 10/2024 |
| 25 | 5.Trường THCS Chu | H. Bù Đăng | - Thiều một số hạng mục. | - Cơ bản đáp ứng các tiêu chí: | UBND huyện bố trí đầu | Tháng |

| | | | | | | |
|------------------------------|----------------|--------------|--|---|---|--------------|
| | Văn An | | - Chưa có Giấy CNQSD đất (hồ sơ đã gửi Trung tâm hành chính công tỉnh). - Thiếu CBQL. | Hạng mục: nhà để xe giáo viên và học sinh; sân chơi, sân khấu, cột cờ, PCCC. - Chưa có Giấy CNQSD đất. Hồ sơ đã gửi Trung tâm hành chính công tỉnh. - Thiếu 01 Phó Hiệu trưởng. | tư bổ sung một số hạng mục còn thiếu; cho chủ trương bổ nhiệm số PHT còn thiếu. Thời gian hoàn thành dự kiến trong quý III/2024 | 8/2024 |
| VIII. HUYỆN PHÚ RIỀNG | | | | | | |
| 26 | 1.MG Phú Trung | H. Phú Riêng | Thiếu 01 phó hiệu trưởng Thiếu 04 phòng hành chính quản trị, 01 Hội trường Thiếu thiết bị 02 phòng học bộ môn (Giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật) 100m hàng rào lưới sắt điểm chính | Bổ nhiệm mới Phó Hiệu trưởng từ nguồn quy hoạch tại chỗ 04 phòng hành chính quản trị, 01 Hội trường đang xây dựng (Đã bố trí vốn 2023) Dự kiến bố trí vốn sự nghiệp GD năm 2024 để mua sắm (120.000.000đ) Dự kiến bố trí vốn sự nghiệp GD năm 2024 để xây dựng (70.000.000đ). | Tháng 01/2024 Tháng 5/2024 | Tháng 6/2024 |
| 27 | 2.MG Tuổi Thơ | H. Phú Riêng | Thiếu 04 phòng hành chính quản trị Thiếu thiết bị 02 phòng học bộ môn (Giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật) 02 bộ đồ chơi liên hoàn điểm trường thôn 8, thôn 9 Hàng rào thôn 8, hàng rào phía sau điểm thôn 9, cổng chính thôn 5 | Cải tạo 04 phòng học cũ thành các phòng hành chính quản trị (150.000.000đ) Dự kiến bố trí vốn sự nghiệp GD năm 2024 để mua sắm (120.000.000đ) Dự kiến bố trí vốn sự nghiệp GD năm 2024 để mua sắm (140.000.000đ) Dự kiến bố trí vốn sự nghiệp GD năm 2024 để xây dựng (350.000.000đ) | Tháng 5/2024 | Tháng 6/2024 |

| | | | | | | |
|----|---------------------|--------------|--|---|---------------|--------------|
| 28 | 3. Tiểu học Lê Hoàn | H. Riêng Phú | Thiếu 01 phó hiệu trưởng | Bổ nhiệm mới Phó Hiệu trưởng từ nguồn quy hoạch tại chỗ | Tháng 5/2024 | Tháng 6/2024 |
| | | | Thiếu 04 phòng hành chính quản trị | Cải tạo, sắp xếp lại các phòng học cũ thành phòng hành chính quản trị (150.000.000đ) | Tháng 5/2024 | |
| | | | Thiếu 08 tivi, thiết bị 03 phòng học bộ môn (Tiếng Anh, Âm nhạc, Mỹ thuật) | Dự kiến bố trí vốn sự nghiệp GD năm 2024 để mua sắm (280.000.000đ) | | |
| | | | Sơn sửa lại hàng rào, cổng | Dự kiến bố trí vốn sự nghiệp GD năm 2024 để xây dựng (100.000.000đ) | | |
| 29 | 4. TH&THCS Bình Sơn | H. Riêng Phú | Thiếu 01 hiệu trưởng | Bổ nhiệm mới Hiệu trưởng; | Tháng 01/2024 | Tháng 6/2024 |
| | | | Thiếu thiết bị 06 phòng học bộ môn (Tiếng Anh, Âm nhạc, Mỹ thuật) | Dự kiến bố trí vốn sự nghiệp GD năm 2024 để mua sắm (250.000.000đ) | Tháng 5/2024 | |
| | | | Xây mới 02 nhà vệ sinh học sinh (cấp THCS và điểm lẻ Bình Minh); Sửa chữa 01 nhà vệ sinh học sinh điểm chính Bình Điền (cấp TH). | Dự kiến bố trí vốn sự nghiệp GD năm 2024 để xây dựng (520.000.000đ) . | | |
| 30 | 5. TH&THCS Trần Phú | H. Riêng Phú | Thiếu 01 HT, 01 PHT cấp THCS | Bổ nhiệm mới 01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng THCS từ nguồn quy hoạch tại chỗ | Tháng 01/2024 | Tháng 6/2024 |
| | | | Thiếu 06 phòng hành chính quản trị, 04 phòng bộ môn THCS | 06 phòng hành chính quản trị, 04 phòng bộ môn THCS đang xây dựng (Đã bố trí vốn 2023) | Tháng 5/2024 | |
| | | | Thiếu 14 ti vi và thiết bị 06 phòng học bộ môn (Tiếng Anh, Âm nhạc, Mỹ thuật) | Dự kiến bố trí vốn sự nghiệp GD năm 2024 để mua sắm (460.000.000đ) | | |

| | | | | | | |
|-------------------------|----------------------|--------------|--|--|--|---------------|
| 31 | 6. TH&THCS Phú Trung | H. Phú Riêng | Thiếu 01 phó hiệu trưởng THCS | Bổ nhiệm mới Phó Hiệu trưởng từ nguồn quy hoạch tại chỗ. | Tháng 01/2024 | Tháng 7/2024 |
| | | | Thiếu 08 phòng hành chính quản trị | Cải tạo lại 08 phòng học cũ thành các phòng hành chính quản trị (300.000.000đ) | Tháng 6/2024 | |
| | | | Thiếu thiết bị 06 phòng học bộ môn (Tiếng Anh, Âm nhạc, Mỹ thuật) | Dự kiến bố trí vốn sự nghiệp GD năm 2024 để mua sắm (250.000.000đ) | | |
| | | | Xây mới 02 nhà vệ sinh học sinh (2 cấp học) | Dự kiến bố trí vốn sự nghiệp GD năm 2024 để xây dựng (450.000.000đ) | | |
| 32 | 7.THCS Long Bình | H. Phú Riêng | Thiếu 1 phó hiệu trưởng | Bổ nhiệm mới Phó Hiệu trưởng từ nguồn quy hoạch tại chỗ | Tháng 01/2024 | Tháng 6/2024 |
| | | | Thiếu 1 nhà xe học sinh | Vận động tài trợ (Dự kiến 72.490.000đ) | Tháng 5/2024 | |
| | | | Thiếu thiết bị 03 phòng học bộ môn (Tiếng Anh, Âm nhạc, Mỹ thuật) | Dự kiến bố trí vốn sự nghiệp GD năm 2024 để mua sắm (120.000.000đ) | | |
| 33 | 8.THCS Long Tân | Phú Riêng | Thiếu 01 hiệu trưởng | Bổ nhiệm mới Hiệu trưởng | Tháng 01/2024 | Tháng 6/2024 |
| | | | Sơn sửa 8 phòng học lâu cũ và 6 phòng khu hành chính, XD 300m2 sân bê tông | Dự kiến bố trí vốn sự nghiệp GD năm 2024 để sửa chữa, xây dựng (500.000.000đ). | Tháng 5/2024 | |
| | | | Thiếu thiết bị 03 phòng học bộ môn (Tiếng Anh, Âm nhạc, Mỹ thuật) | Dự kiến bố trí vốn sự nghiệp GD năm 2024 để mua sắm (120.000.000đ) | | |
| IX. HUYỆN BÙ ĐÓP | | | | | | |
| 34 | 1.TH Tân Thành A | | Bổ sung sửa chữa phòng học, phòng chức năng | Cần bổ sung vốn sửa chữa phòng học, phòng chức năng khoảng 1.300.000.000đ | Đang đề nghị bố trí vốn để triển khai, dự kiến tháng 7/2024 hoàn thành | Tháng 10/2024 |
| 35 | 2.TH Thanh Bình A | | Đang xây dựng 10 phòng học lầu, nhà vệ sinh | Cần bổ sung vốn xây dựng thêm nhà vệ sinh học sinh khoảng 1.100.000.000đ | Dự kiến hoàn thành tháng 6/2024 | Tháng 8/2024 |
| 36 | 3.THCS Tân Thành | | Xây dựng nhà vệ sinh giáo viên | Cần bổ sung vốn xây dựng nhà vệ sinh giáo viên khoảng | Đang đề nghị bố trí vốn để triển khai, dự kiến | Tháng 8/2024 |

| | | | | | | |
|----------------------------|--------------------------|---------------|--|--|--|---------------|
| | | | | 500.000.000đ | tháng 6/2024 hoàn thành | |
| X. HUYỆN BÙ GIA MẬP | | | | | | |
| 37 | 1.Trường TH Đăk O | H. Bù Gia Mập | - Tiêu chí 3.5: Thiếu thiết bị các phòng bộ môn | - Tiêu chí 3.5: Căn cứ đề nghị của Trường, Phòng GD&ĐT đã tổng hợp nhu cầu và phối hợp Phòng TC-KH huyện tham mưu UBND huyện bố trí 1 tỷ 652 triệu đồng để mua thiết bị (Tờ trình số 179/TTr-PGDĐT ngày 22/11/2023 của Phòng GD&ĐT). | - Tiêu chí 3.5: Quý 1/2024 khi UBND huyện giao kinh phí cho chủ đầu tư thì chủ đầu tư thực hiện phối hợp với các phòng chuyên môn của huyện, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện về thủ tục, quy trình mua mua thiết bị. | Tháng 09/2024 |
| 38 | 2. Trường TH Lê Lợi | H. Bù Gia Mập | - Tiêu chí 3.1: Diện tích sân trường bị hư hỏng, xuống cấp và một số danh mục đầu tư nhỏ để cải tạo, nâng cấp, sửa chữa CSVC... - Tiêu chí 3.5: Thiếu thiết bị các phòng bộ môn | - Tiêu chí 3.1: Phòng GD&ĐT gửi Tờ trình số 170/TTr-PGDĐT ngày 26/10/2023 về cho UBND huyện, Phòng TC-KH huyện để xem xét bố trí kinh phí làm sân trường. - Tiêu chí 3.5: Căn cứ đề nghị của Trường, Phòng GD&ĐT đã tổng hợp nhu cầu và phối hợp Phòng TC-KH huyện tham mưu UBND huyện bố trí 1 tỷ 652 triệu đồng để mua thiết bị (Tờ trình số 179/TTr-PGDĐT ngày 22/11/2023 của Phòng GD&ĐT) | - Tiêu chí 3.1: Quý 1/2024 khi UBND huyện giao kinh phí cho chủ đầu tư thì chủ đầu tư thực hiện phối hợp với các phòng chuyên môn của huyện, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện về thủ tục, quy trình xây dựng. - Tiêu chí 3.5: Quý 1/2024 khi UBND huyện giao kinh phí cho chủ đầu tư thì chủ đầu tư thực hiện phối hợp với các phòng chuyên môn của huyện, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện về thủ tục, quy trình mua thiết bị. | Tháng 06/2024 |
| 39 | 3.Trường TH Hai Bà Trưng | H. Bù Gia Mập | - Tiêu chí 2.2: Thiếu giáo viên Tin học, Tiếng Anh | - Tiêu chí 2.2: Thiếu 01 giáo viên tiếng Anh và 01 giáo viên Tin học. Theo đề nghị của Trường thì Phòng GD&ĐT đã | - Tiêu chí 2.2: Hiện nay Trường TH Hai Bà Trưng đã hợp đồng thỉnh giảng 01 giáo viên tiếng Anh, | Tháng 03/2024 |

| | | | | | | |
|----|-----------------------|---------------|---|---|---|---------------|
| | | | <p>- Tiêu chí 3.3: Thiếu khối 06 phòng hỗ trợ, phụ trợ học tập.</p> <p>- Tiêu chí 3.5: Thiếu thiết bị các phòng bộ môn.</p> | <p>gửi Tờ trình số 171/TTr-PGDĐT ngày 27/10/2023 cho Phòng TC-KH huyện để cân đối ngân sách, tham mưu UBND huyện phân bổ kinh phí thực hiện chi trả.</p> <p>- Tiêu chí 3.3: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư xây dựng khối 06 phòng này, tháng 07/2023 thực hiện khởi công xây dựng khối 06 phòng này theo thông báo số 80/TB-BQLDA ngày 12/7/2023 của Ban QLDA ĐTXD tỉnh Bình Phước.</p> <p>- Tiêu chí 3.5: Căn cứ đề nghị của Trường, Phòng GD&ĐT đã tổng hợp nhu cầu và phối hợp Phòng TC-KH huyện tham mưu UBND huyện bố trí 1 tỷ 652 triệu đồng để mua thiết bị (Tờ trình số 179/TTr-PGDĐT ngày 22/11/2023 của Phòng GD&ĐT)</p> | <p>01 giáo viên Tin học để phân công dạy tiếng Anh.</p> <p>Tiêu chí 3.3: Theo kiến nghị của Đoàn giám sát HDND tỉnh thì dự án tạm dừng xây dựng.</p> <p>- Tiêu chí 3.5: Quý 1/2024 khi UBND huyện giao kinh phí cho chủ đầu tư thì chủ đầu tư thực hiện phối hợp với các phòng chuyên môn của huyện, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện về thủ tục, quy trình mua thiết bị.</p> | |
| 40 | 4. Trường THCS Đa Kìa | H. Bù Gia Mập | <p>- Tiêu chí 3.1: Diện tích sân trường đã hư hỏng, xuống cấp</p> <p>- Tiêu chí 3.5: Thiếu thiết bị các phòng bộ môn</p> | <p>- Tiêu chí 3.1: Ngày 26/10/2023 Phòng GD&ĐT gửi Tờ trình số 170/TTr-PGDĐT cho UBND huyện và Phòng TC-KH huyện xem xét bố trí kinh phí để làm sân trường (2500m2)</p> <p>- Tiêu chí 3.5: Căn cứ đề nghị của Trường, Phòng GD&ĐT đã tổng hợp nhu cầu và phối hợp Phòng TC-KH huyện tham mưu UBND huyện bố trí 2 tỷ 236 triệu đồng để mua thiết bị (Tờ trình số 179/TTr-PGDĐT ngày 22/11/2023 của Phòng GD&ĐT)</p> | <p>- Tiêu chí 3.1: Quý 1/2024 khi UBND huyện giao kinh phí cho chủ đầu tư thì chủ đầu tư thực hiện phối hợp với các phòng chuyên môn của huyện, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện về thủ tục, quy trình làm sân.</p> <p>- Tiêu chí 3.5: Quý 1/2024 khi UBND huyện giao kinh phí cho chủ đầu tư thì chủ đầu tư thực hiện phối hợp với các phòng</p> | Tháng 05/2024 |

| | | | | | | |
|---------------------------|------------------------------|---------------|--|---|---|---------------|
| | | | | | chuyên môn của huyện, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện về thủ tục, quy trình mua thiết bị. | |
| 41 | 5.Trường THCS Lý Thường Kiệt | H. Bù Gia Mập | - Tiêu chí 3.5: Thiếu thiết bị các phòng bộ môn | - Tiêu chí 3.5: Căn cứ đề nghị của Trường, Phòng GD&ĐT đã tổng hợp nhu cầu và phối hợp Phòng TC-KH huyện tham mưu UBND huyện bố trí 2 tỷ 236 triệu đồng để mua thiết bị (Tờ trình số 179/TTr-PGDĐT ngày 22/11/2023 của Phòng GD&ĐT) | - Tiêu chí 3.5: Quý 1/2024 khi UBND huyện giao kinh phí cho chủ đầu tư thì chủ đầu tư thực hiện phối hợp với các phòng chuyên môn của huyện, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện về thủ tục, quy trình mua thiết bị. | Tháng 05/2024 |
| XI. HUYỆN LỘC NINH | | | | | | |
| 42 | 1. MG Vàng Anh | Lộc Ninh | -Thiếu: 01 phòng học, 01 phòng GDNT, 01 phòng GDTC, 01 phòng họp, 01 nhà kho, 01 phòng thư viện; 03 Phòng vệ sinh khép kín chưa ngăn nam riêng, nữ riêng, -Thiếu 01 số trang thiết bị đồ chơi ngoài trời theo quy định. | | Đang xây dựng, dự kiến hoàn thành tháng 6/2024 | Tháng 8/2024 |
| 43 | 2. MG Hoa Phượng | Lộc Ninh | - Thiếu: 01 vườn rau của bé; 01 vườn hoa của bé. -Thiếu 01 số trang thiết bị đồ chơi ngoài trời và trong lớp theo quy định | | UBND huyện đã khảo sát để đầu tư. Dự kiến hoàn thành trong tháng 5/2024 | Tháng 6/2024 |
| 44 | 3. MG Bình Minh | Lộc Ninh | - Thiếu: 06 phòng khối phòng hành chính quản trị; 02 Phòng học; 01 nhà kho; Phòng bảo vệ - Thiếu 01 số trang thiết bị đồ chơi ngoài trời theo quy định | | UBND huyện đang triển khai kế hoạch dời Trường TH&THCS Lộc Phú sang địa điểm khác bàn giao lại 01 phần CSVC cho trường MG Bình Minh cải tạo xây dựng đạt chuẩn. | Tháng 12/2024 |

| | | | | | | |
|----|-----------------------|----------|--|--|--|---------------|
| | | | | | Dự kiến tháng 11/2024 | |
| 45 | 4. THPT Lộc Ninh A | Lộc Ninh | Cơ sở hiện tại không thể đạt chuẩn, cần xây mới : 30 phòng học; nhà tập đa năng; 05 phòng hành chính quản trị; 03 phòng hỗ trợ học tập; 02 phòng phụ trợ và các công trình phụ trợ | | UBND huyện đang đầu tư xây mới hoàn toàn tại địa điểm trường THPT Lộc Ninh cũ, các công trình đang thi công. Dự kiến hoàn thành trong tháng 11/2024 | Tháng 12/2024 |
| 46 | 5. THPT Lộc Ninh B | Lộc Ninh | Thiếu:10 phòng chức năng và Nhà đa năng | | UBND huyện đã bố trí quỹ đất mở rộng diện tích trường và đang tiến hành đầu tư xây dựng dự kiến hoàn thành trong tháng 10/2024 | Tháng 11/2024 |
| 47 | 6.TH Lộc Hưng | Lộc Ninh | -Thiếu: 03 phòng học tập, 03 phòng hỗ trợ học tập, 03 phòng phụ trợ và nhà tập đa năng. - Thiếu 01 số thiết bị, máy vi tính | | UBND huyện đã đầu tư xây dựng, các công trình đang thi công. Dự kiến hoàn thành trong tháng 8/2024 | Tháng 9/2024 |
| 48 | 7. TH&THCS Lộc Thành | Lộc Ninh | Thiếu:12 phòng học; 12 phòng bộ môn, 01 nhà đa năng; Phòng vệ sinh GV-HS; phòng bảo vệ; nhà xe GV-HS; cổng trường tại điểm TH; Tu bổ sửa chữa khoảng 70 m tường rào. - Bê tông sân trường tại điểm TH và THCS | | UBND huyện đang đầu tư - Năm 2023: xây 12 phòng học (điểm TH); 6 phòng bộ môn (điểm THCS) -Năm 2024: xây 6 phòng bộ môn (điểm TH); nhà đa năng (điểm THCS) dự kiến hoàn thành trong tháng 11/2024 | Tháng 12/2024 |
| 49 | 8. TH&THCS Lộc Phú | Lộc Ninh | Cơ sở hiện tại không thể đạt chuẩn | | UBND huyện đã bố trí đất xây dựng cơ sở mới. UBND tỉnh đã phê duyệt xây 30 phòng học, Phần còn lại UBND huyện sẽ | Tháng 12/2024 |

| | | | | | | |
|----------------------------|--------------------|----------|---|--|--|---------------|
| | | | | | bố trí vốn đầu tư | |
| 50 | 9. THCS Lộc Thái | Lộc Ninh | Thiếu: 09 phòng học; 01 phòng đảng, đoàn thể; 01 phòng KHTN 01 phòng KHXH 01 phòng Âm nhạc; 01 phòng Mĩ thuật; 01 phòng đa chức năng; 01 phòng truyền thống 01 phòng đoàn, đội; 01 phòng tổ chuyên môn 01 Nhà kho. Xây hàng rào (03 mặt tường) Thiếu: 01 số thiết bị | | UBND huyện đầu tư trong năm 2024. Dự kiến hoàn thành trong 11/2024 | Tháng 12/2024 |
| 51 | 10. THCS Lộc Quang | Lộc Ninh | -Thiếu: 01 phòng KHXH; 01 phòng KHTN; Nhà tập TĐTT có mái che (<i>thay cho nhà tập đa năng</i>); Nhà để xe giáo viên; 01 Nhà vệ sinh GV; 01 nhà vệ sinh giáo viên. - Thiếu một số thiết bị. | | UBND huyện đầu tư trong năm 2024. Dự kiến hoàn thành trong tháng 11/2024. | Tháng 12/2024 |
| XII. HUYỆN HƠN QUẢN | | | | | | |
| 52 | 1.TH Tân Khai B | Hơn Quản | - Tiêu chí 3.1: chưa có GCNQSDĐ. - Tiêu chí 3.2: thiếu 08 phòng học. - Tiêu chí 3.3: thiếu 08 phục vụ học tập. | | - UBND huyện đã phê duyệt kinh phí xây dựng 16 phòng - Hoàn thành hồ sơ đất theo địa giới hành chính mới | Tháng 9/2024 |
| 53 | 2.TH Trà Thanh | Hơn Quản | Tiêu chí 3.1: Trường thiếu 300 m tường rào điểm bù dinh, 1000 m ² sân bê tông | | Phối hợp với các phòng, ban tham mưu UBND huyện bổ sung kinh phí thực hiện | Tháng 5/2024 |
| 54 | 3. TH Thanh An | Hơn Quản | - Tiêu chí 3.1: chưa có GCNQSDĐ. - Tiêu chí 3.2: thiếu 04 phòng học. - Tiêu chí 3.3: thiếu 06 bộ môn. | | - Hoàn thành hồ sơ đất theo địa giới hành chính mới - Đã được giao kinh phí thực hiện xây dựng tại Quyết định số 1007/QĐ- | Tháng 7/2024 |

| | | | | | | |
|-----|------------------|----------|---|--|---|--------------|
| | | | | | UBND ngày 14/8/2023 của UBND huyện | |
| 55 | 4.MN Thanh An | Hón Quán | Tiêu chí 3.2: thiếu 08 phòng học. | | Đã được giao kinh phí thực hiện xây dựng tại Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND huyện | Tháng 9/2024 |
| 56 | 5. MN Tân Khai | Hón Quán | - Tiêu chí 3.1: chưa có GCNQSDĐ. - Tiêu chí 3.2: thiếu 08 phòng học. | | - UBND huyện đã phê duyệt kinh phí xây dựng 08 phòng - Hoàn thành hồ sơ đất theo địa giới hành chính mới | Tháng 9/2024 |
| 57 | 6. MN Minh Đức | Hón Quán | Đang xây trường | | Đã được giao kinh phí thực hiện xây dựng tại Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND huyện | Tháng 7/2024 |
| 58 | 7. MN Đồng Nơ | Hón Quán | Đang hoàn thiện các hạng mục tại trường mới | | | Tháng 7/2024 |
| 59 | 8. MN An Khương | Hón Quán | Tiêu chí 3.1: chưa có GCNQSDĐ. | | Hoàn thành hồ sơ đất theo địa giới hành chính mới. | Tháng 7/2024 |
| 60. | 9. THCS Thanh An | Hón Quán | Tiêu chí 3.3: thiếu 08 phòng bộ môn. | | Đã được giao kinh phí thực hiện xây dựng tại Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND huyện. | Tháng 9/2024 |

Danh sách này gồm có 60 trường được rà soát để đăng ký đạt chuẩn trong năm 2024.

PHỤ LỤC 2**BẢNG TỔNG HỢP CÁC TRƯỜNG TRONG KẾ HOẠCH ĐẠT CHUẨN CÓ NHU CẦU
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NHU CẦU MỞ RỘNG ĐẤT NĂM 2024***(Kèm theo Kế hoạch số _____ /KH-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)***1. Danh sách các trường có nhu cầu mở rộng đất trên cơ sở khu đất cũ trong năm 2024**

| STT | Tên trường | Địa chỉ (ghi cụ thể) | Diện tích hiện có | Diện tích có nhu cầu mở rộng | Thực trạng, tiến độ giải quyết |
|-----|--------------------------|--|--------------------------|------------------------------------|--|
| 1 | Trường MN Hoa Sen | Áp 2, Xã Tiến Hưng, Đồng Xoài. | 3.860 m ² | 2.933 m ² | UBND thành phố đã bố trí vốn, cấm mốc ranh giới; chuẩn bị thực hiện thủ tục di dời Trạm Y tế xã Tiến Hưng. |
| 2 | Trường MN Hoa Lan | Áp 4 - Xã Tiến Hưng - TP Đồng Xoài. | 2.110 m ² | 1.069 m ² | UBND thành phố đã bố trí vốn, cấm mốc ranh giới. |
| 3 | Trường TH Tiến Hưng B | Áp 4 - Xã Tiến Hưng - TP Đồng Xoài. | 4.513m ² | 2.278 m ² | UBND thành phố đã bố trí vốn, cấm mốc ranh giới. |
| 4 | Trường MN An Khuong | Xã An Khuong, Huyện Hớn Quản. | 4.545 m ² | 1.000 m ² | Trường đã đề xuất qua UBND xã, đang chờ các quy trình tiếp theo. |
| 5 | Trường TH Tân Khai A | Thị trấn Tân Khai, Huyện Hớn Quản. | 10.840 m ² | 3.000 m ² | UBND thị trấn đang nghiên cứu phương án cấp bổ sung quỹ đất. |
| 6 | Trường TH Lộc Quang | Áp Việt Tân, xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh | 5158m ² | 8000m ² | UBND xã Lộc Quang đã xác định khu đất để bố trí cho Trường và đã được UBND huyện chấp thuận, hiện đang tiến hành thành lập tổ giải tỏa đền bù. |

| | | | | | |
|---|--------------------------|---|----------------------|----------------------|---|
| 7 | Trường TH Lộc Thiện | Ấp 11B xã Lộc Thiên, huyện Lộc Ninh. | 4869m ² | 5000m ² | Nhà trường đã gửi tờ trình đến UBND xã Lộc Thiên. UBND xã Lộc Thiên đã báo cáo UBND huyện kế hoạch sử dụng đất. |
| 8 | Trường THPT Lộc Ninh B | KP Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh. | 8777,9m ² | 3000m ² | UBND TT Lộc Ninh đã xác định khu đất công liên kề trường để bố trí cho Trường và đã được UBND huyện thống nhất. Tuy nhiên do khu đất chưa được quy hoạch đất dành giáo dục. Hiện UBND huyện đang chỉ đạo tiến hành các thủ tục về đất đai để bàn giao cho trường. |
| 9 | Trường TH&THCS Lộc Thiện | Ấp Tân Bình 1, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh. | 8358m ² | 10.000m ² | Nhà trường đã gửi tờ trình đến UBND xã Lộc Thiện. UBND xã Lộc Thiện đã phối hợp UBND xã Lộc Thành đưa vào kế hoạch sử dụng đất báo cáo UBND huyện. |

2. Danh sách các trường cần được cấp GCN QSDĐ trong năm 2024 để đạt chuẩn quốc gia

| STT | Tên trường (ghi theo thứ tự cấp học) | Địa chỉ (ghi cụ thể) | Tiến độ giải quyết, tham mưu để được cấp GCN | Hồ sơ minh chứng kèm theo (tách thành file riêng của từng trường) | Ghi chú |
|-----|--|---|--|---|--|
| 1 | Trường Tiểu học Quang Minh, thị xã Chơn Thành. | Ấp Bào Teng, xã Quang Minh, thị xã Chơn Thành | Đã xin trích lục bản đồ thửa đất | - Quyết định thành lập trường. - Quyết định quy hoạch đất xây dựng trung tâm hành chính xã Quang Minh. | - Chưa có Quyết định quy hoạch đất xây dựng trường trong thửa đất xây dựng trung tâm hành chính xã Quang Minh và các hồ sơ khác theo quy định. |
| 2 | Trường Tiểu học Minh | KP 9, Phường Minh | Đã xin trích lục bản đồ thửa đất; Bản đồ | - Trích lục bản đồ đo đạc | Dịch vụ công tỉnh |

| | | | | | |
|---|--|---|---|--|---|
| | Hung B, thị xã Chơn Thành. | Hung, thị xã Chơn Thành | mô tả ranh giới thửa đất, đã nộp hồ sơ đến công hành chính công, nhưng thiếu hồ sơ. | <ul style="list-style-type: none"> - Bản mô tả ranh giới đất - Mảnh trích đo đạc thửa đất - Phiếu nhận xét kết quả đo đạc hiện trạng đất | Bình Phước yêu cầu văn phòng đăng kí đất đai thị xã bổ sung mảnh đo đạc đất vì mảnh đo đạc đất nhà trường nộp là do phòng đo đạc thị xã kí nhưng mảnh đo đạc đất phải do tỉnh kí. |
| 3 | Trường TH-THCS Minh Thành, thị xã Chơn Thành | KP3, Phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành | Đang liên hệ địa chính Phường Minh Thành để xin lại hồ sơ lưu | Quyết định giao đất số 3693/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 của UBND huyện Chơn Thành | Chưa được cấp sổ do thay đổi địa giới |
| 4 | Trường TH Võ Thị Sáu, thị xã Bình Long. | Phường Phú Đức, thị xã Bình Long | Chi nhánh VPĐKĐĐ thị xã Bình Long đang xuất bản vẽ để trình Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Phước ký duyệt để làm cơ sở thực hiện cấp Giấy CNQSD đất cho trường | <ul style="list-style-type: none"> - Mảnh trích đo địa chính số 04 -2023. - Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất. - Biên bản làm việc ngày 02/01/2024. | |
| 5 | THCS Phước Bình, thị xã Phước Long | Khu 1, phường Phước Bình, thị xã Phước Long | Đã làm hồ sơ, đang chờ giải quyết | Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất số 6, tờ bản đồ địa chính số 26 ngày 5/8/2022 | |

| | | | | | |
|----|------------------------------------|---|--|--|---|
| 6 | MG Phước Bình, thị xã Phước Long | Khu 2, phường Phước Bình, thị xã Phước Long | Đã làm hồ sơ, đang chờ giải quyết | Phiếu xác nhận kết quả đo đạc chính lý bản đồ địa chính thửa đất số 01-2019 hệ tọa độ VN-2000, thửa đất số 823 tờ bản đồ số 13 ngày 31/12/2019 | |
| 7 | MN Tân Phước, huyện Đồng Phú | Ấp Cây Diệp, Xã Tân Phước, huyện Đồng Phú | Đã đề nghị điều chỉnh quy hoạch. | | |
| 8 | DTNT THCS Đồng Phú, huyện Đồng Phú | Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú | Hồ sơ đã nộp ở TTHC công của tỉnh. | | |
| 9 | Trường MG Hoa Hồng, huyện Bù Đăng | Thôn Thống Nhất, xã Đak Nhau, huyện Bù Đăng | Trung tâm hành chính công đang tiếp nhận xử lý. | | |
| 10 | Trường MN Tuổi Hồng, huyện Bù Đăng | Thôn Bình Trung, xã Nghĩa Bình, huyện Bù Đăng | Hồ sơ bổ sung tại UBND xã Nghĩa Bình (Sở TN-MT trả lại hồ sơ cho xã Nghĩa Bình để xác định lại phần đất quy hoạch so với đất thực tế). | | |
| 11 | THCS Chu Văn An, huyện Bù Đăng | Thôn Đak Xuyên, xã Đak Nhau, huyện Bù Đăng | Trung tâm hành chính công đang tiếp nhận xử lý. | | |
| 12 | Mẫu giáo Tuổi Thơ, huyện Phú Riềng | Xã Long Bình | Giấy CN QSDĐ: Điểm thôn 5 đã đo đạc xong chưa gửi hồ sơ, điểm thôn 9 do mở rộng diện tích làm đường chờ huyện ra quyết định. | Trích lục bản đồ đo đạc | Hồ sơ đã gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường |

| | | | | | |
|----|---------------------------------------|--|--|---|-------------------------------|
| 13 | TH&THCS Trần Phú, huyện Phú Riềng | Xã Phước Tân | Giấy CN QSDĐ: Điểm Bình Trung đã có GCN, đang đợi bàn giao GCN của Ông Nguyễn Dương Quốc hiến cho trường và đất phòng học của trường MG Phước Tân nhà trường hợp nhất GCN | Quyết định thu hồi và giao đất cho trường | |
| 14 | TH&THCS Phú Trung, huyện Phú Riềng | | Giấy CN QSDĐ: Điểm Phú Bình đã hoàn thành tất cả hồ sơ mà vẫn đang chờ cấp GCN; điểm Phú Tâm tiểu học đã có GCN nhưng điều chỉnh lại quy hoạch với trường MG Phú Trung nên đã làm tờ trình xin đo và cấp lại. | Quyết định thu hồi và giao đất cho trường Giấy tiếp nhận hồ sơ hẹn đo đạc | |
| 15 | TH&THCS Bình Sơn, huyện Phú Riềng | Xã Bình Sơn | Giấy CN QSDĐ: Điểm lẻ thôn Bình Minh đã đo đạc và hoàn thành hồ sơ trình UBND xã ký. | Trích lục bản đồ đo đạc | Hồ sơ đã gửi về Sở Tài nguyên |
| 16 | MG Phú Trung, huyện Phú Riềng | Xã Phú Trung | Giấy CN QSDĐ: Điểm Phú Bình, Phú Tâm chưa có, địa chính đã về đo đạc, hồ sơ đã gửi chi nhánh văn phòng đăng kí đất đai | Giấy tiếp nhận hồ sơ hẹn đo đạc | |
| 17 | Tiểu học Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập | Thôn Đăk Lim, xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập | Đơn vị đã gửi hồ sơ thẩm định cấp GCNQSDĐ và đã được Sở TN&MT thẩm định và có công văn thẩm định điều kiện cấp sổ đất cho trường TH Đăk Ô. UBND huyện Bù Gia Mập đã có công văn về việc góp ý về thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất | - Sở TN&MT Bình Phước đã có Công văn số 22/STNMT-CCQLĐĐ ngày 25/7/2022 về thẩm định điều kiện cấp sổ đất cho trường TH Đăk Ô; - UBND huyện có Công | |

| | | | | | |
|----|--------------------------------------|-----------------------------------|---|--|--|
| | | | để xây dựng trường TH Đăk Ô. Đơn vị đã gửi tờ trình số 206/TTr-THĐƠ ngày 05/10/2022 cho UBND huyện và Phòng TNMT huyện để đề nghị giao đất. Đến nay đơn vị vẫn chưa được giao đất nên chưa đủ cơ sở, điều kiện để lập thủ tục đề nghị cấp GCNQSDĐ | văn số 554/UBND-SX ngày 11/7/2022 về việc góp ý về thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất để xây dựng trường TH Đăk Ô, diện tích 8.104,5 m ² ; Thửa đất số 119; Tờ bản đồ số 45. | |
| 18 | MN Tân Khai, huyện Hớn Quản | Thị trấn Tân Khai, Huyện Hớn Quản | Đã hoàn thành hồ sơ nộp về Văn phòng đo đạc tỉnh. Tuy nhiên đã trả về chờ thực hiện theo bản đồ địa chính mới. | | |
| 19 | TH Tân Khai B, huyện Hớn Quản | Thị trấn Tân Khai, Huyện Hớn Quản | Đã hoàn thành hồ sơ nộp về Văn phòng đo đạc Tỉnh. Tuy nhiên đã trả về chờ thực hiện theo bản đồ địa chính mới | | |
| 20 | TH Trà Thanh, huyện Hớn Quản | Xã Thanh An, Huyện Hớn Quản | UBND huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên tiến hành làm việc với địa phương, tuy nhiên chưa thực hiện. | | |
| 21 | TH Thanh An, huyện Hớn Quản | Xã Thanh An, Huyện Hớn Quản | Đang tiến hành ký giáp ranh. | | |
| 22 | Trường MG Hoa Phượng, huyện Lộc Ninh | Xã Lộc Hòa | - Hồ sơ đã được chuyển đến Sở Tài Nguyên và Môi trường thẩm định. - Sở TN-MT đã có Công văn số 1667/STNMT-CCQLĐĐ V/v thẩm định nhu cầu sử dụng đất điều kiện giao đất cho Trường Mẫu giáo Hoa | CV số 1667/STNMT-CCQLĐĐ | |

| | | | | | |
|----|--|----------------------------|--|-------------------------|-----------------------------|
| | | | Phượng -UBND xã Lộc Hòa đang tiến hành các thủ tục đề nghị UBND huyện phê duyệt danh mục sử dụng đất năm 2022 | | |
| 23 | Trường Tiểu học Lộc Ninh A, huyện Lộc Ninh | TT Lộc Ninh | Đã nộp hồ sơ sang TTHCC và được hướng dẫn các bước. Hiện nay đã tiến hành xong việc đo đạc và đang chờ xác minh nguồn gốc đất. | | |
| 24 | Trường THCS Lộc Thái, huyện Lộc Ninh | Xã Lộc Thái | - Hồ sơ đã được chuyển đến Sở Tài Nguyên- Môi trường thẩm định. - Sở TN-MT đã có Công văn số 847/STNMT-CCQLĐĐ V/v lấy ý kiến thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất để xây dựng Trường Trung học cơ sở. - Hiện đang chờ UBND huyện trả lời cho Sở TN&MT (từ 17/4/2023) Phòng TN&MT đã về làm việc với trường (11/8/2023). | CV Số: 847/STNMT-CCQLĐĐ | |
| 25 | Trường THCS Lộc Quang, huyện Lộc Ninh | Áp Chàng Hai, xã Lộc Quang | Đã làm xong các loại giấy tờ nộp sang UBND xã Lộc Quang, chờ UBND xã làm biên bản bàn giao đất để nộp sang Sở Tài nguyên Môi trường | | Diện tích đất 6,672,3 m2 |
| 26 | Trường TH&THCS | Xã Lộc Hòa | - Hồ sơ đã được chuyển đến Sở Tài | CV Số: 1669/STNMT- | |

| | | | | | |
|--|-------------------------|--|---|--------|--|
| | Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh | | <p>Nguyên và Môi trường thẩm định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở TN-MT đã có Công văn số 1669 /STNMT-CCQLĐĐ V/v thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất cho Trường TH&THCS Lộc Hòa. - UBND xã Lộc Hòa đang tiến hành các thủ tục trình UBND huyện đăng ký bổ sung nhu cầu sử dụng đất năm 2022. | CCQLĐĐ | |
|--|-------------------------|--|---|--------|--|